

**Biểu số 62/CK-NSNN**  
**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>18.726.628</b>	<b>23.010.807</b>	<b>122,9</b>
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	7.731.000	7.306.044	94,5
	<i>Thu NSDP hưởng 100%</i>	<i>452.390</i>	<i>635.815</i>	<i>140,5</i>
	<i>Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia</i>	<i>7.278.610</i>	<i>6.670.229</i>	<i>91,6</i>
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	10.695.628	11.158.587	104,3
	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>8.153.643</i>	<i>8.153.643</i>	<i>100,0</i>
	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>2.541.985</i>	<i>3.004.944</i>	<i>118,2</i>
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	
4	Thu kết dư	-	581.170	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	3.783.834	
6	Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách	-	132.446	
7	Các khoản huy động đóng góp	-	11.735	
8	Thu vay từ nguồn Chính phủ vay cho vay lại	-	23.710	
9	Ghi thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất để chi bồi thường, GPMB nhà đầu tư đã ứng trước	300.000	13.281	4,4
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>18.724.228</b>	<b>22.778.097</b>	<b>121,7</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>15.882.243</b>	<b>15.378.510</b>	<b>96,8</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.950.782	3.158.949	80,0
2	Chi thường xuyên	11.581.830	12.217.090	105,5
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.400	1.032	73,7
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.440	1.440	100,0
5	Dự phòng ngân sách	296.791	-	-
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	50.000	-	-
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>2.541.985</b>	<b>2.682.927</b>	<b>105,5</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	679.707	674.409	99,2
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.862.278	2.008.517	107,9
<b>III</b>	<b>Ghi chi tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất để chi bồi thường, giải phóng mặt bằng</b>	<b>300.000</b>	<b>13.281</b>	<b>4,4</b>
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	<b>-</b>	<b>4.443.909</b>	
<b>V</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>	<b>-</b>	<b>259.469</b>	
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>-</b>	<b>232.711</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>-</b>	<b>43.250</b>	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	-	-	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	-	43.250	
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>40.900</b>	<b>-</b>	
I	Vay để bù đắp bội chi	-	-	
II	Vay để trả nợ gốc	40.900	-	
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>-</b>	<b>46.648</b>	
I	Vay Ngân hàng phát triển	-	-	
II	Vay từ nguồn Chính phủ vay cho vay lại	-	46.648	